

ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRÊN LĨNH VỰC XÃ HỘI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

TS NGUYỄN THỊ ANH

Trưởng Đại học Thủy lợi

Ngày nhận:

25-2-2023

Ngày thẩm định, đánh giá:

25-3-2023

Ngày duyệt đăng:

31-3-2023

Tóm tắt: Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, định hướng xã hội chủ nghĩa là phạm trù trung tâm, phản ánh nhận thức lý luận và thực tiễn quá trình vận động phát triển của xã hội. Bài viết góp phần làm rõ tính định hướng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực xã hội, thể hiện qua sự biến chuyển của cơ cấu xã hội, nhất là cơ cấu xã hội - giai cấp; vấn đề nâng cao điều kiện và chất lượng cuộc sống của nhân dân; quá trình xây dựng xã hội công bằng, quan hệ xã hội lành mạnh; sự hoàn thiện các thiết chế, cơ chế quản lý xã hội; góp phần cung cấp luận cứ khoa học về định hướng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực xã hội ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa:

Định hướng xã hội chủ nghĩa; Chủ nghĩa xã hội; lĩnh vực xã hội; Việt Nam

1. Định hướng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực xã hội ở Việt Nam

Lĩnh vực xã hội là một trong những lĩnh vực trọng yếu nhất của quốc gia, bao trùm mọi mặt của đời sống, quan hệ trực tiếp đến lợi ích của từng con người và cả cộng đồng xã hội. Làm rõ nội dung định hướng XHCN trên lĩnh vực xã hội là tiền đề căn bản để xây dựng thành công xã hội XHCN ở Việt Nam, với tính ưu việt. Định hướng XHCN trên lĩnh vực xã hội thể hiện ở những nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, sự biến chuyển của cơ cấu xã hội, nhất là cơ cấu xã hội - giai cấp. Cơ cấu xã hội là những cộng đồng người và toàn bộ các quan hệ

xã hội của cộng đồng ấy theo lát cắt giai cấp, tầng lớp, các nhóm xã hội; theo nghề nghiệp; lứa tuổi, giới tính, tôn giáo; vùng lãnh thổ cư trú... Không thể nhận diện được xu thế biến đổi của xã hội nếu không thấy được sự biến chuyển các mặt cụ thể của cơ cấu xã hội, nhất là cơ cấu xã hội - giai cấp. Sự biến đổi của cơ cấu xã hội giai cấp sẽ dẫn đến sự biến đổi của tất cả các cơ cấu xã hội khác. Cơ cấu xã hội - giai cấp biến đổi thể hiện ở sự phân tầng xã hội, sự phân hóa giàu-nghèo, sự chênh lệch hay xích lại gần nhau giữa các giai tầng, các nhóm xã hội và các vùng miền.

Về lý luận, theo các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin, trong xã hội XHCN, giai

cấp không còn nữa¹. Do đó, thời kỳ quá độ lên CNXH phải khắc phục dần sự khác biệt giữa các giai cấp, tầng lớp, tiến tới xây dựng một xã hội tương đối thuần nhất về giai cấp.

Thực tế, ở nước ta hiện nay vẫn tồn tại nhiều giai cấp, tầng lớp xã hội khác nhau, mỗi giai cấp, tầng lớp lại có những đặc điểm riêng về chuyên môn nghiệp vụ, năng lực, trình độ, văn hóa và thu nhập... Tuy vậy, các giai cấp, tầng lớp trong xã hội Việt Nam đang có sự chuyển dịch một cách mạnh mẽ giữa các giai tầng. Biểu hiện rõ nét nhất là xu hướng tăng lên cả về số lượng, chất lượng giai cấp công nhân, tầng lớp trí thức, tư sản và sự giảm đi của giai cấp nông dân. Nguyên nhân là do sự chuyển đổi mạnh mẽ của cơ cấu kinh tế, ngành nghề sản xuất và sự xuất hiện của các ngành nghề mới, xu hướng liên kết giữa các ngành nghề tạo ra.

Cơ bản trong xã hội, sự phân tầng vẫn rất rõ rệt. Biểu hiện trước hết là sự khác nhau về địa vị kinh tế, địa vị chính trị, uy tín xã hội của các giai tầng và có sự phân hóa giàu nghèo. Theo kết quả khảo sát mức sống dân cư trên phạm vi cả nước của Tổng cục Thống kê qua các năm: khoảng cách chênh lệch về thu nhập giữa 20% số hộ có mức thu nhập cao nhất (hộ giàu nhất) với 20% số hộ có thu nhập thấp nhất (hộ nghèo nhất) năm 1995 là 7,0 lần; năm 2002 là 8,1 lần; năm 2010 là 9,23 lần; năm 2015 là 9,7 lần; năm 2018 là 10 lần; năm 2019 là 10,2 lần; năm 2020 là 8,7 lần². Nguyên nhân là trong thời kỳ quá độ lên CNXH, nước ta tồn tại nhiều thành phần kinh tế, nhiều quan hệ sản xuất, điều kiện tiếp cận cơ hội phát triển đối với mỗi người, mỗi gia đình, mỗi vùng lãnh thổ là khác nhau, vì thế sự phân tầng xã hội, sự phân hóa giàu nghèo khó tránh khỏi.

Khắc phục tình trạng này, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra chủ trương: “Triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo đa chiều, bền vững, bao trùm, nhất là khu vực đồng bào dân tộc thiểu số..., khơi

dậy ý chí chủ động vươn lên tự thoát nghèo; hạn chế bất bình đẳng. Khuyến khích làm giàu bảo đảm tuân thủ pháp luật, phát triển mạnh tầng lớp trung lưu gắn với nâng cao trách nhiệm xã hội”³. Chủ trương của Đảng đi vào đời sống đã làm cho tỷ lệ người khá giả trong xã hội không ngừng gia tăng, tỷ lệ người nghèo giảm nhanh chóng những năm gần đây. Hộ nghèo từ 9,88% năm 2015, giảm xuống còn 2,75% năm 2020; trong 05 năm (2006-2020), giảm bình quân 1,43%/năm (chỉ tiêu: giảm 01% - 1,5%/năm); hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm bình quân 04%/năm (chỉ tiêu: giảm 03% - 04%/năm); hộ nghèo ở các huyện nghèo giảm bình quân 5,4%/năm (chỉ tiêu: giảm 04%/năm)⁴. Cùng với đó, việc ngăn chặn các hiện tượng làm giàu bất hợp pháp và tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí đã tạo môi trường bình đẳng cho sự phát triển của mọi tầng lớp dân cư. Đời sống vật chất và tinh thần, trình độ và năng lực, lối sống và thu nhập của các giai tầng, các vùng miền không ngừng tăng lên, không có ai bị bỏ lại phía sau. Các giai tầng xã hội đoàn kết và hợp tác trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, thống nhất dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, tính đồng thuận xã hội cao. Đây chính là biểu hiện định hướng XHCN trên phương diện cơ cấu xã hội nói chung, cơ cấu xã hội - giai cấp nói riêng.

Thứ hai, nâng cao điều kiện và chất lượng cuộc sống của nhân dân. CNXH không có mục tiêu nào quan trọng hơn là vì hạnh phúc của nhân dân. Do đó, nâng cao điều kiện và chất lượng cuộc sống của nhân dân là một giá trị XHCN cần được xác lập và hiện thực hóa. Đây là một tiêu chí để xem xét bản chất ưu việt của CNXH, tính định hướng XHCN trong quá trình phát triển.

Theo Tổ chức Y tế thế giới (WHO), điều kiện sống bao gồm năm yếu tố sau: 1. Thuận tiện (thuận tiện cho người dân tham gia vào các hoạt động hàng ngày và tiếp cận với các thông tin); 2.

An toàn - an ninh (tránh khỏi các rủi ro hoặc tình trạng khẩn cấp, tai nạn, bảo vệ cuộc sống, tài sản khỏi tai họa và tội phạm); 3. Sức khỏe (tiếp cận với dịch vụ y tế cơ bản, có sức khỏe tốt hơn); 4. Tiềm nghi (những tiện ích cơ bản về xã hội, văn hóa, môi trường); 5. Năng lực (năng lực tài sản và khả năng nâng cao năng lực tài chính của người dân).

Ở Việt Nam, những năm gần đây, điều kiện sống của nhân dân không ngừng được cải thiện. Hệ thống y tế và chăm sóc sức khỏe toàn dân phát triển đa dạng, hiện đại, đáp ứng tốt nhu cầu chăm sóc sức khỏe. Việt Nam nằm trong số các nước có tuổi thọ trung bình cao trên thế giới (trung bình đạt 73,7 tuổi, theo thống kê năm 2020). Việt Nam được xếp vào top 10 hệ thống giáo dục đổi mới hàng đầu của thế giới, theo báo cáo “Tăng trưởng thông minh hơn: Học tập và phát triển công bằng ở Đông Á - Thái Bình Dương” năm 2018 của Ngân hàng Thế giới. Vấn đề môi trường, xử lý rác thải được cải thiện rõ rệt. Đặc biệt, Việt Nam đã cam kết mạnh mẽ tại Hội nghị thượng đỉnh biến đổi khí hậu (Cop 26) là đưa phát thải ròng về 0 vào năm 2050. Điều này thể hiện quyết tâm cao và trách nhiệm của Chính phủ trong việc bảo vệ môi trường toàn cầu. An ninh, an toàn của người dân được đảm bảo. Thu nhập bình quân đầu người tăng, cuộc sống người dân được cải thiện về cả vật chất và tinh thần.

Chất lượng cuộc sống là một thuật ngữ được sử dụng để đánh giá về mức độ tốt đẹp của cuộc sống, cũng như sự sáng khoái, hài lòng của người dân với điều kiện sống. Trong bảng xếp hạng các nước hạnh phúc nhất thế giới năm 2021, Việt Nam tăng lên 4 bậc, từ vị trí thứ 83 lên 79 (khảo sát ý kiến của người dân để xếp hạng mức độ hạnh phúc của họ, đồng thời có tính đến các dữ liệu khác như Tổng thu nhập quốc nội (GDP), hỗ

trợ xã hội, tự do cá nhân và mức độ tham nhũng... để đưa ra một điểm số về sự hạnh phúc của từng nước)⁵. Năm 2022, Việt Nam tiếp tục tăng 2 bậc, lên vị trí 77 so với năm 2021. Đây là kết quả được đưa ra trong Báo cáo Hạnh phúc Thế giới (World Happiness Report - WHR) 2022, công bố ngày 18-3-2022, hai ngày trước Ngày Quốc tế Hạnh phúc (20-3).

Thứ ba, về xây dựng xã hội công bằng, ổn định, các quan hệ xã hội lành mạnh, văn minh. Công bằng xã hội là một giá trị của xã hội XHCN. Ở Việt Nam, mục tiêu của sự nghiệp xây dựng CNXH là thực hiện “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”⁶. Trong thời kỳ quá độ, có thể chúng ta chưa xây dựng được một xã hội bình đẳng hoàn toàn và đầy đủ, song phải đảm bảo công bằng xã hội trong sự phát triển cho tất cả mọi người, không ai bị bỏ lại phía sau là quan điểm chỉ đạo chung của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Với nhận thức, công bằng là một động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển của xã hội, của mỗi người dân và cả cộng đồng. Do đó, phải “bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân; kết hợp chặt chẽ, hợp lý phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách; gắn nghĩa vụ với quyền lợi, cống hiến với hưởng thụ, lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể và cộng đồng xã hội”⁷. Giải pháp được Đảng nêu ra là: “Phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện,...,bảo đảm trợ giúp cho các nhóm đối tượng yếu thế. Cải cách hệ thống bảo hiểm xã hội đa tầng dựa trên nguyên tắc đóng - hưởng, chia sẻ - bền vững. Triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo đa chiều, bền vững, bảo đảm mức sống tối thiểu và các dịch vụ cơ bản. Nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới, triển khai có hiệu quả chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

giai đoạn 2020 - 2030, thu hẹp khoảng cách giàu - nghèo giữa các vùng, miền, dân tộc”⁸. Đây là những giải pháp mạnh mẽ cho sự công bằng về cơ hội hội phát triển cho các tầng lớp dân cư.

Ổn định xã hội là một tiêu chí quan trọng để phát triển đất nước theo định hướng XHCN. Xã hội không thể phát triển nếu không ổn định. Xã hội ổn định sẽ đảm bảo cho các thành viên có cuộc sống tốt đẹp, lợi ích được tôn trọng và bảo vệ, phát triển đầy đủ các phẩm chất và năng lực. Trong thời kỳ quá độ lên CNXH, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn khẳng định xây dựng môi trường “hòa bình, ổn định để phát triển đất nước, nâng cao vị thế Việt Nam trên trường quốc tế”⁹.

Ổn định xã hội dưới góc độ xã hội học, đó là sự đoàn kết dựa trên cơ sở cân bằng các mối quan hệ xã hội, là việc các cá nhân trong xã hội thừa nhận và cùng chia sẻ những quan điểm phổ quát. Xã hội với nhiều thành phần khác nhau, các giai tầng xã hội khác nhau, luôn cần có sự đồng thuận để phát triển.

Đảng Cộng sản Việt Nam từ khi ra đời cho tới nay luôn là đại biểu cho lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động, của cả dân tộc Việt Nam. Mọi chủ trương của Đảng đều xuất phát từ lợi ích của nhân dân và dân tộc. Vì vậy, Đảng luôn được quần chúng nhân dân đặt trọn niềm tin, đó là cơ sở tạo được đồng thuận xã hội cao trong thực hiện các chủ trương mà Đảng đề ra.

Thứ tư, xây dựng, hoàn thiện các thiết chế, cơ chế quản lý xã hội. Về mặt tổ chức, thiết chế

được hiểu là “hệ thống tổ chức bộ máy” được thiết lập trên cơ sở Hiến pháp, pháp luật để thực hiện một hoạt động nào đó của xã hội; là hệ thống cơ quan quyền lực, các đại diện cho cộng đồng, đảm bảo những hoạt động đáp ứng các nhu cầu khác nhau của cộng đồng và cá nhân. Thiết chế xã hội trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam đang hướng tới một bộ máy quản lý gọn nhẹ, năng động, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn rõ ràng, hoạt động hiệu quả. Hiện nay, Đảng và

Nhà nước Việt Nam đang tích cực thực hiện nhất thể hóa các chức danh chủ chốt, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, thu gọn đầu mối quản lý... Cán bộ công chức thường xuyên được bồi dưỡng, rèn luyện nâng cao phẩm chất chính trị - đạo đức, năng lực quản lý xã hội, phong cách làm việc và trình độ chuyên môn, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước theo định hướng XHCN.

Cơ chế quản lý xã hội là việc các chủ thể quản lý sử dụng tổng hợp các biện pháp cùng những công cụ

một cách thường xuyên và có tổ chức nhằm duy trì, phát triển xã hội. Công cụ quản lý xã hội cơ bản là pháp luật. Đó là hệ thống các quy tắc xử sự chung, được Nhà nước ban hành và đảm bảo thực hiện. Tính định hướng XHCN thể hiện: các quy định, quyết định, quy tắc, luật lệ, chính sách... mà chủ thể quản lý sử dụng đều hướng vào phát triển lực lượng sản xuất, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, đẩy lùi

Trong công cuộc đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả quan trọng trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế, văn hóa xã hội. Điều kiện sống của nhân dân không ngừng được nâng cao. Hệ thống y tế và chăm sóc sức khỏe toàn dân phát triển đa dạng, hiện đại, đáp ứng tốt nhu cầu chăm sóc sức khỏe. Việt Nam nằm trong số các nước có tuổi thọ trung bình cao trên thế giới (trung bình đạt 73,7 tuổi, theo thống kê năm 2020).

tiêu cực và tệ nạn xã hội, tăng cường thể và lực của đất nước và chế độ XHCN. Đại hội XIII của Đảng khẳng định: “Quản lý phát triển xã hội bền vững, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội”¹⁰.

2. Nhận diện những nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực xã hội

Thời kỳ quá độ lên CNXH, cùng với sự vận động của nền kinh tế, lĩnh vực xã hội có sự biến chuyển nhanh chóng, cơ bản đúng định hướng XHCN. Tuy nhiên, cũng có một số giá trị XHCN chưa được thực hiện hoặc không đạt được mục tiêu đặt ra. Hiện tượng này kéo dài có nguy cơ làm chệch hướng XHCN trong tiến trình phát triển của đất nước.

Trong cơ cấu xã hội - giai cấp, theo Đảng Cộng sản Việt Nam đánh giá: “chênh lệch giàu - nghèo còn lớn; đời sống của một bộ phận người dân còn khó khăn, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng bị thiên tai”¹¹, “khoảng cách phát triển giữa các địa phương, vùng, miền còn khá lớn”¹². Hiện tượng dân di cư cơ học từ các vùng nông thôn vào các thành phố với quy mô lớn đã làm nảy sinh nhiều vấn đề bức xúc ở đô thị như: giao thông, nhà ở, việc làm và các vấn đề xã hội khác. Điều này dẫn đến sự thiếu hụt nghiêm trọng lao động ở các vùng nông thôn.

Đặc biệt, mức độ “chênh lệch giàu - nghèo có xu hướng gia tăng”¹³. Sự phân hóa giàu - nghèo diễn ra ở cả nông thôn và thành thị. Nếu từ năm 1995, mức độ chênh lệch thu nhập bình quân đầu người giữa nhóm 20% dân cư có thu nhập cao nhất so với nhóm 20% dân cư có thu nhập thấp nhất ở mức 7 lần, thì từ năm 2015 đến năm 2020 luôn ở ngưỡng xấp xỉ 10 lần. Hệ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập (hệ số GINI) từ năm 2015 đến năm 2020 cũng luôn ở mức được coi là “nguy hiểm” (trên dưới 0.4). Cụ thể, hệ số GINI năm 2015 là 0,424; năm 2016 là 0,430; năm

2017 là 0,431; năm 2018 là 0,425; năm 2019 là 0,423; năm 2020 là 0,375¹⁴.

Sự phân hóa giàu nghèo bất hợp lý có thể gây ra nhiều hệ lụy. Xét dưới góc độ chính trị, phân hóa giàu nghèo sẽ dẫn đến phân cực xã hội. Dưới góc độ kinh tế, bất bình đẳng trong thu nhập càng trầm trọng sẽ khiến tăng trưởng kinh tế không thể ổn định. Dưới góc độ xã hội, phân hóa giàu nghèo ảnh hưởng tiêu cực đến an ninh xã hội, gia tăng tệ nạn xã hội, các loại tội phạm¹⁵. Thực trạng này sẽ ảnh hưởng đến tính thống nhất, sự công bằng xã hội, dễ làm nảy sinh những hiện tượng xã hội phức tạp, ảnh hưởng đến tính ưu việt của chế độ XHCN.

Về cải thiện điều kiện và chất lượng cuộc sống nhân dân, cũng xuất hiện một số yếu kém trong quản lý, thực hiện. Việc quản lý an toàn thực phẩm, vệ sinh nguồn nước, kiểm soát nguồn gây ô nhiễm môi trường nhiều nơi chưa hiệu quả. Những sai phạm trong quản lý lĩnh vực y tế, giáo dục, khoa học - công nghệ, giao thông vận tải... , tình trạng “ô nhiễm môi trường không gian mạng”, tin tức xấu độc ảnh hưởng tới tâm tư người dân, làm nảy sinh những vấn đề xã hội mới. Một bộ phận người dân cũng chưa ý thức đầy đủ quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm và việc tự bảo vệ mình trước các vấn đề xã hội. Vẫn còn sự chênh lệch khá lớn trong việc hưởng thụ các điều kiện sống giữa các vùng (ví dụ: tỷ lệ sử dụng nước sạch đô thị là 84,2%, nông thôn chỉ có 34,8%, con số thống kê 2019¹⁶).

Trong xã hội có những biểu hiện xuống cấp về đạo đức, lối sống về tham nhũng, lạm dụng chức quyền của một bộ phận cán bộ, đảng viên. Theo thống kê, trong 6 tháng đầu năm 2022, cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp đã thi hành kỷ luật đối với 295 đảng viên do tham nhũng, cố ý làm trái pháp luật; thi hành kỷ luật 27 cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý (tăng 20 trường hợp so với cùng kỳ năm trước)¹⁷.

Quá trình xây dựng và hoàn thiện các thiết chế, cơ chế quản lý xã hội cũng vẫn bộc lộ khuyết điểm. Bộ máy quản lý Nhà nước vẫn còn sự chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ. Cùng một vấn đề, sự việc, có quá nhiều cơ quan cùng quản lý, song lại thiếu quyền hạn và trách nhiệm cụ thể. Vì vậy, quy trình từ khi phát hiện tình huống, xây dựng kế hoạch, thu thập, xử lý thông tin, ra quyết định, điều chỉnh bổ sung, giải quyết hậu quả... diễn ra chậm chạp, không thông suốt. Trong thực thi pháp luật, vẫn còn tình trạng phải trả hồ sơ điều tra bổ sung, nửa đầu năm 2022 khoảng 30%¹⁸.

Đánh giá chung, Đại hội XIII (2021) của Đảng khẳng định: quản lý phát triển xã hội còn một số hạn chế, chưa theo kịp yêu cầu phát triển. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường nhiều mặt còn yếu kém, khắc phục còn chậm. Công tác y tế, giáo dục đào tạo và dạy nghề, chính sách tiền lương chưa đáp ứng được yêu cầu của nhân dân, người lao động. Quản lý nhà nước về văn hóa, nghệ thuật, tôn giáo, tín ngưỡng, thông tin truyền thông nhiều mặt còn bất cập. Năng lực và nguồn lực về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai còn hạn chế. Quá trình đô thị hóa tạo sức ép lớn về nhu cầu phát triển hạ tầng và xử lý ô nhiễm môi trường¹⁹. Những vấn đề này tồn tại kéo dài sẽ làm chệch hướng XHCN ở mức độ này hay mức độ khác.

Kiên định mục tiêu tiến lên CNXH là con đường mà Đảng, nhân dân Việt Nam lựa chọn và quyết tâm thực hiện. Xét một cách tổng quát, cùng với sự phát triển của kinh tế, xã hội Việt Nam hiện nay có sự biến chuyển tích cực, theo định hướng XHCN; cơ cấu xã hội ngày càng tiến bộ, điều kiện và chất lượng cuộc sống nhân dân được nâng cao; xã hội công bằng, ổn định, quan hệ xã hội lành mạnh, văn minh; thiết chế xã hội tinh gọn, hoạt động hiệu quả hơn; cơ chế quản lý

xã hội thường xuyên được bổ sung, điều chỉnh cơ bản phù hợp. Đây là cơ sở cho việc hiện thực hóa các giá trị của CNXH ở Việt Nam.

1. Hội đồng lý luận Trung ương: *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb CTQG, H, 2004, tr. 96

2, 14. Niên giám Thống kê năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020

3, 8, 9, 10, 11, 12, 19. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb CTQGST, H, 2021, T. 1, tr. 265, 150, 217-218, 147, 211-212, 211-212, 211-212

4. Nguyễn Phú Hưng: “Xóa đói giảm nghèo - điểm sáng trong bảo đảm nhân quyền ở Việt Nam”, <http://tapchiquptd.vn/vi-phong-chong-dbhb-tu-dien-bien-tu-chuyen-hoa/xoa-doi-giam-ngheo-diem-sang-trong-bao-dam-nhan-quyen-o-viet-nam/18027.html>, ngày 8-12-2021

5. Bích Liên: “Việt Nam tăng 4 bậc trong Bảng xếp hạng các nước hạnh phúc nhất”, <https://www.vietnamplus.vn/viet-nam-tang-4-bac-trong-bang-xep-hang-cac-nuoc-hanh-phuc-nhat/700426.vnp>

6, 7. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb CTQG, H, 2011, tr. 70, 79, 217-218

13. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb CTQGST, H, 2021, T. 2 tr. 86

15. Lý Thị Huệ: “Phân hóa giàu nghèo ở Việt Nam hiện nay, thực trạng và hệ lụy”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam* số 5 (78) - 2014

16. Chu Khôi: “Quy hoạch nước sạch có nguy cơ “lỗi hẹn”, vì đâu?”, <https://vneconomy.vn/quy-hoach-nuoc-sach-co-nguy-co-loi-hen-vi-dau.htm>, ngày 1-5-2022

17. Mai Thoa: “6 tháng đầu năm, kỷ luật 295 đảng viên do tham nhũng, cố ý làm trái”, từ <https://congly.vn/6-thang-dau-nam-ky-luat-295-dang-vien-do-tham-nhung-co-y-lam-trai-212124.html>, ngày 17-8-2022

18. Sơn Hà: “Viện kiểm sát nhân dân tối cao giải trình 17 trường hợp oan sai trong giai đoạn điều tra”, <https://vnexpress.net/vksnd-toi-cao-giai-trinh-17-truong-hop-oan-sai-trong-giai-doan-dieu-tra-4511642.html>, ngày 15-9-2022.